

Bản án số: 152/2023/KDTM-PT

Ngày: 14/02/2023

Về việc tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2022/TLPT-
KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm
2022 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 232/2023/QĐ-PT ngày
30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T

Địa chỉ: Số 35 BC 1, Phường QR, Quận TB, TP.Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Minh Q, sinh năm 1979; Địa
chỉ: 13.06 Chung cư TA, phường TMT, Quận QW, TP.Hồ Chí Minh (Giấy ủy
quyền lập ngày 16/12/2022).

2. Bị đơn: Công ty ĐC

Địa chỉ: Số 1107/46/13 PTH, Phường T, Quận I, TP.Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình H, sinh năm 1981 –
Giám đốc; Địa chỉ: 100 HH, Phường QE, Quận QP, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tất cả đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

*** Nguyên đơn trình bày:**

Công ty T (sau đây gọi tắt là Công Ty T) và Công ty ĐC (sau đây gọi tắt là Công Ty ĐC) có giao dịch mua bán hàng hóa thông qua việc Công Ty ĐC đặt mua thiết bị, hàng hóa bằng cách trao đổi, đàm phán khi gọi vào các số điện thoại (028) 62924048, (028) 62924128 của Công Ty T. Sau khi các bên thống nhất về phương thức giao hàng và thanh toán... thì Công Ty T tiến hành giao hàng kèm phiếu xuất kho theo địa chỉ do Công Ty ĐC chỉ định.

Ngày 28/11/2017, nhân viên giao hàng của Công Ty T là ông Lý Quốc B đã bàn giao thiết bị Máy kéo Gem trị giá 60.800.000 đồng cho Công Ty ĐC, người nhận là ông Phạm Phúc T tại địa chỉ Hẻm 42 TĐX, Quận Q. Ông B không ký tên tại chỗ người giao trên phiếu xuất kho ngày 28/11/2017 nguyên do là đã có người nhận đã ký tên và thủ kho Công Ty T ký tên. Nhân viên ký tên tại chỗ thủ kho trên phiếu xuất kho ngày 28/11/2017 đã xin nghỉ việc từ năm 2019. Hiện nay, Công Ty T không còn lưu bất kỳ thông tin nào về nhân viên trên.

Căn cứ Phiếu cung cấp thông tin GCNĐKKD Công ty ĐC thì ông Phạm Phúc T là thành viên góp vốn Công Ty ĐC. Ông Phạm Phúc T đã ký nhận hàng hóa là Máy kéo Gem theo chỉ định của Công Ty ĐC. Sau đó thiết bị được lắp đặt, hoạt động tốt, không bị lỗi. Công Ty ĐC hứa hẹn vài ngày sau sẽ thanh toán tiền cho nguyên đơn. Nhưng cho đến nay, Công Ty ĐC vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên.

Công Ty T đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán số tiền 60.800.000 đồng nhưng Công Ty ĐC đã trốn tránh, viện nhiều lý do vô lý nhằm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nguyên đơn yêu cầu Công Ty ĐC thanh toán cho Công Ty T số tiền mua hàng hóa máy kéo Gem là 60.800.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*** Bị đơn trình bày:**

Công Ty T có giao cho Công Ty ĐC máy kéo không đạt chất lượng như thỏa thuận nên Công Ty ĐC không đồng ý yêu cầu của Công ty T.

Yêu cầu của Công Ty ĐC:

1/ Công Ty T thay máy mới 100%.

2/ Làm hợp đồng mua bán, bổ sung điều khoản nếu không đạt chất lượng phải bồi thường 100% giá trị máy.

3/ Xuất hóa đơn mua bán.

Đề xuất để hai bên dễ dàng chấp nhận và giải quyết sự việc:

1/ Công Ty ĐC thanh toán 50%.

2/ Thanh toán mỗi tháng 5.000.000 đồng, trong vòng 6 tháng.

Bên bán hàng Công Ty T không xử lý máy kéo khi vận hành bị hư hỏng, không đảm bảo chất lượng nên đã yêu cầu nguyên đơn rất nhiều lần nhưng cũng không xử lý.

Nay mọi việc ông đã tự giải quyết thiệt hại của mình nên ông yêu cầu nguyên đơn cung cấp cho bên ông 01 cái máy mới và làm lại thủ tục mua bán, xuất hóa đơn đầy đủ theo luật mua bán. Và ông xin trình bày thêm là ngay thời điểm giao máy đã không giao cho bên ông hợp đồng mua bán, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ CO, CQ của máy. Và bên bán cũng không có biên bản nghiệm thu làm cơ sở mua bán.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T:

Buộc Công ty ĐC có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền 60.800.000 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu Công ty ĐC chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung B trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng xác định trách nhiệm chịu án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2022, bị đơn Công ty ĐC đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc Công Ty T làm hợp đồng mua bán với Công Ty ĐC, xuất hóa đơn mua bán cho Công Ty ĐC theo đúng quy định của pháp luật; Cung cấp chứng từ C/O, C/Q xuất xứ nguồn gốc máy kéo .

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn: Xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua máy kéo là 60.800.000 đồng. Bị đơn chưa trả tiền vì nguyên đơn giao hàng không đạt chất lượng, chưa xuất hóa đơn, chứng từ C/O, C/Q. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm vì: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; đối với kháng cáo của bị đơn do tại cấp sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố và chưa đóng tạm ứng án phí cho yêu cầu này chưa được Tòa cấp sơ thẩm xem xét nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Công Ty ĐC kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc Công Ty T làm hợp đồng mua bán với Công Ty ĐC, xuất hóa đơn mua bán cho Công Ty ĐC theo đúng quy định của pháp luật; Cung cấp chứng từ C/O, C/Q xuất xứ nguồn gốc máy kéo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về hình thức của đơn kháng cáo: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn, giữa Công Ty T và Công Ty ĐC có phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa là thiết bị Máy kéo Gem 10.1kw trị giá 60.800.000 đồng nhưng không lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận đặt hàng bằng lời nói và giao nhận hàng hóa. Công ty ĐC được mua hàng với phương thức nhận hàng trước, thanh toán tiền mua hàng sau khi nhận hàng. Giá của hàng hóa là theo bảng báo giá hai bên thỏa thuận.

Như vậy các bên tham gia ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa trên cơ sở tự nguyện, hình thức mua bán hàng hóa bằng lời nói, nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa phù hợp với quy định tại Điều 24, Điều 50 của Luật Thương mại nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Xét thấy nguyên đơn có giao hàng là 01 Máy kéo thang máy nhãn hiệu Gem cho bị đơn. Bị đơn xác nhận có nhận máy nhưng máy không đạt chất lượng như thỏa thuận, do máy đã bán lại cho người sử dụng thứ ba nên không thể thu hồi máy trả lại cho bên bán. Trong việc mua bán trên, bên mua Công Ty ĐC đã mua và đã nhận sử dụng máy, trình bày máy không đạt chất lượng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Bị đơn cũng không thu hồi được máy để trả lại cho bên bán, điều này xác nhận phía bị đơn nhận máy và có sử dụng máy ổn định từ đó đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua máy kéo là 60.800.000 đồng. Bị đơn chưa trả tiền vì nguyên đơn giao hàng không đạt chất lượng, chưa xuất hóa đơn, chứng từ C/O, C/Q.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng còn nợ 60.800.000 đồng là có cơ sở.

Đối với kháng cáo của bị đơn, xét thấy tại cấp sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố, chưa đóng tạm ứng án phí cho yêu cầu này và chưa được Tòa cấp sơ thẩm xem xét.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công Ty ĐC, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Công ty T không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Công ty ĐC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công Ty ĐC phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 148, 308 và 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty ĐC. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T:

Buộc Công ty ĐC có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền 60.800.000 đồng (Sáu mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu Công ty ĐC chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung B trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

1.2. Công ty ĐC phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.040.000 (Ba triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.489.000 (Hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016544 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty ĐC phải chịu là 2.000.000 (Hai triệu) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu số 0017462 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty ĐC đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo quy định.

3. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND Q.8;
- Cục THADS TP HCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương

